TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2019/HC-PT
Ngày: 22/4/2019
V/v: *"Khiếu kiện Quyết định áp dụng cưỡng chế bằng biện pháp thông báo hóa đơn không còn giá trị sử dụng"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Công Sự

Các Thẩm phán: Ông Ngô Thanh Sỹ

Bà Trần Thị Thanh Hà

- ***Thư ký phiên tòa*:** Ông Phạm Ngọc Đức - Thư ký TAND tỉnh Đồng Nai.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai:*** Bà Nguyễn Thị Bình- Kiểm sát viên tham gia phiên toà.

Ngày 22 tháng 4 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 06/2019/TLPT-HC ngày 20 tháng 02 năm 2019 về việc *"Khiếu kiện Quyết định hành chính về việc áp dụng cưỡng chế bằng biện pháp thông báo hóa đơn không còn giá trị sử dụng"*

Do bản án hành chính sơ thẩm số: 02/2018/HC-ST ngày 19/11/2018 của Tòa án nhân dân Thị xã L bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 03/2019/QĐ-PT ngày 12/3/2019; Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2019/QĐ-PT ngày 29/3/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2019/QĐ-PT ngày 10/4/2019, giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Công ty TNHH MTV xây dựng T

Trụ sở: xã S, Thị xã L, tỉnh Đồng Nai

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đỗ Văn C - Giám đốc

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Ông Nguyễn Huy H, Luật sư thuộc văn phòng luật sư T- Đoàn Luật sư tỉnh Đồng Nai

2. Người bị kiện: Chi cục trưởng Chi cục thuế thị xã L

Người đại diện hợp pháp: Ông Phạm Hữu H1- Phó Chi cục trưởng Chi cục thuế thị xã L (Theo văn bản ủy quyền ngày 03/7/2018)

3. Người kháng cáo: Công ty TNHH MTV xây dựng T

(Ông C, ông H có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm:

** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản đối thoại và tại phiên tòa sơ thẩm người khởi kiện trình bày:*

Ngày 10/9/2014 Công ty TNHH MTV xây dựng T (gọi tắt là Công ty T) ký hợp đồng xây dựng số: 93/2014-HĐTC/QTSK với Công ty cổ phần Quốc Tế S. Gói thầu thi công kết cấu phần thô 06 căn Vila 3, giá trị mỗi căn 1.053.338.000đ, tại xã Tân Thông Hội, khu đô thị Tây Bắc thành phố, huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh. Ngày 18/11/2015, Chi cục thuế thị xã L ban hành quyết định số: 787/QĐ-CCT về việc áp dụng cưỡng chế bằng biện pháp thông báo hóa đơn không còn giá trị sử dụng. Căn cứ để Chi cục thuế thị xã L ra quyết định cưỡng chế vì cho rằng Công ty T *"đến ngày 31/10/2015 còn nợ tiền thuế và tiền nộp chậm với tổng số tiền là 524.787.691 đồng, đến ngưỡng phải thực hiện các biện pháp cưỡng chế nợ theo đúng quy định"*.

Việc Chi cục thuế thị xã L áp dụng cưỡng chế bằng biện pháp thông báo hóa đơn không còn giá trị sử dụng trên là không đúng pháp luật về thuế. Trong tổng số tiền nợ thuế 524.787.691đ thì số tiền thuế GTGT của hóa đơn số 0000025 ngày 28/8/2015 là 366.826.605 đồng thì Công ty T chưa xuất được hóa đơn, vì hóa đơn ghi sai, không đúng với con số khối lượng thanh toán, nên chủ đầu tư Công ty cổ phần Quốc Tế S chưa thanh toán. Do đó Công ty T và Công ty cổ phần Quốc tế S tiến hành lập biên bản hủy hóa đơn số 0000025. Sau đó công ty T báo Chi cục thuế xin hủy hóa đơn số 0000025 với lý do viết sai khối lượng thanh toán và xin điều chỉnh để đóng quý sau nhưng Chi cục thuế yêu cầu Công ty T đóng số tiền 197.000.000 đồng mới cho Công ty T xuất hóa đơn mới, thay thế hóa đơn số 0000025. Công ty T đóng thuế số tiền 197.000.000 đồng, nhưng Chi cục thuế cho rằng Công ty T có hành vi trốn thuế nên không cho Công ty T xuất hóa đơn thay thế hóa đơn 0000025.

Như vậy, tại thời điểm trước khi Chi cục thuế áp dụng biện pháp cưỡng chế đối với Công ty T thì Công ty T chỉ còn nợ thuế 191.308.960 đồng và sau đó Công ty đã nộp đủ số tiền theo yêu cầu của Chi cục thuế, do đó Công ty T xác định không còn nợ thuế. Việc Chi cục thuế cộng số tiền thuế của hóa đơn 0000025 với số tiền 366.826.605 đồng là trái với quy định, vì hóa đơn chưa xuất nên không có căn cứ để tính thuế GTGT. Vì vậy, việc Chi cục thuế áp dụng biện pháp cưỡng chế về thuế đối với Công ty T là không đúng.

Ngoài ra, căn cứ Điều 13 Thông tư số 215/2013 ngày 13/12/2013 của Bộ Tài Chính hướng dẫn cưỡng chế quy định: *"Cưỡng chế bằng biện pháp thông báo hóa đơn không còn giá trị sử dụng đối với đối tượng bị cưỡng chế không áp dụng*

được biện pháp cưỡng chế trích tiền từ tài khoản của đối tượng bị cưỡng chế tại kho bạc nhà nước, tổ chức tín dụng, yêu cầu phong tỏa tài khoản; khấu trừ một phần tiền lương hoặc thu nhập đối với cá nhân hoặc đã áp dụng các biện pháp này nhưng vẫn không thu đủ tiền thuế, tiền phạt, tiền chậm nộp tiền thuế vào ngân sách nhà nước".

Như vậy, Chi cục thuế chưa áp dụng biện pháp cưỡng chế trích tiền từ tài khoản, yêu cầu phong tỏa tài khoản... đối với Công ty T mà đã áp dụng biện pháp cưỡng chế bằng biện pháp thông báo hóa đơn không còn giá trị sử dụng là vi phạm pháp luật về thuế.

Hơn nữa, việc Chi cục thuế cho rằng hóa đơn số 0000030 lập ngày 10/11/2015 (lập hóa đơn sau khi cung cấp thông tin cho cơ quan thuế để áp dụng cưỡng chế bằng biện pháp thông báo hóa đơn không còn giá trị sử dụng) là không đúng với thực tế, bởi lẽ, Công ty lập hóa đơn trước khi cung cấp thông tin cho Chi cục thuế.

Từ những căn cứ nêu trên, Công ty T yêu cầu Tòa án hủy quyết định cưỡng chế bằng biện pháp thông báo hóa đơn không còn giá trị sử dụng số 787/QĐ-CCT ngày 18/11/2015 của Chi cục trưởng chi cục thuế thị xã L Đồng Nai.

** Tại văn bản trình bày ý kiến, biên bản đối thoại và tại phiên tòa sơ thẩm người bị kiện Chi cục trưởng Chi cục Thuế L do ông Phạm Hữu Hùng là người đại diện theo ủy quyền trình bày:*

Căn cứ hồ sơ khai thuế của Công ty T phát sinh số thuế phải nộp đã quá hạn nộp theo quy định. Chi cục Thuế ban hành Thông báo tiền thuế nợ và tiền chậm nộp (Mẫu số 07/QLN) số: 20153086 ngày 15/5/2015 với tổng số tiền là 141.504.506 đồng. Chi cục Thuế đã thực hiện các bước cưỡng chế nợ thuế trong đó có bước áp dụng cưỡng chế bằng biện pháp Thông báo hóa đơn không còn giá trị sử dụng (Quyết định số 339/QĐ-CCT ngày 02/6/2015 và thông báo số 776/TB-CCT ngày 02/6/2015 về việc hóa đơn không còn giá trị sử dụng từ số 0000020 đến số 0000050; ký hiệu: HN/13P; ký hiệu mẫu: 01GTKT3/001).

Ngày 10/8/2015, Công ty T nộp hết số tiền thuế nợ, tiền phạt theo quyết định cưỡng chế và làm văn bản đề nghị Chi cục Thuế mở niêm phong hóa đơn để tiếp tục sử dụng. Ngày 12/8/2015, Chi cục Thuế đã ban hành Thông báo số 1106/TB-CCT về việc thông báo hóa đơn tiếp tục có giá trị sử dụng và công ty đã sử dụng từ số 0000021 đến số 0000026 (trong đó xóa bỏ 03 số: 0000021, 0000023, 0000025) để kê khai thuế kỳ tính thuế quý III năm 2015 dẫn đến phát sinh số tiền thuế giá trị gia tăng phải nộp là: 383.654.071 đồng, tuy nhiên công ty không chấp hành nộp số tiền thuế kê khai phải nộp đã quá thời hạn nộp.

Căn cứ hồ sơ khai thuế của Công ty T phát sinh số thuế phải nộp đã quá hạn nộp theo quy định. Chi cục Thuế ban hành Thông báo tiền thuế nợ và tiền phạt

chậm nộp (Mẫu số 07/QLN) số: 01/10/TB-CCT ngày 12/11/2015 với tổng số tiền là 524.787.691 đồng. Trong đó:

+ Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2014 phải nộp: 12.124.445 đồng theo Tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp (Mẫu số 03/TNDN) khai bổ sung lần thứ 1 nộp ngày 10/9/2015.

+ Tiền phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kế toán: 10.000.000 đồng (Quyết định số 72/QĐ-XPHC ngày 03/7/2015 của Ủy ban nhân dân thị xã L).

+ Tiền phạt vi phạm hành chính về hóa đơn: 8.000.000 đồng (Quyết định số 583/QĐ-XPVPHC ngày 28/8/2015 của UBND thị xã L).

+ Tiền phạt vi phạm hành chính về thuế: 2.100.000 đồng (Quyết định số 577/QĐ-CCT ngày 27/8/2015 của Chi cục Thuế L).

+ Tiền thuế giá trị gia tăng truy thu, tiền phạt vi phạm hành chính và tiền phạt chậm nộp: 102.906.553 đồng (Quyết định số 655/QĐ-CCT ngày 24/9/2015 của Chi cục Thuế L).

+ Tiền thuế giá trị gia tăng phải nộp: 383.654.071 đồng theo Tờ khai thuế giá trị gia tăng (Mẫu số 01/GTGT), kỳ tính thuế Quý III năm 2015, nộp ngày 12/10/2015 (kèm theo Phụ lục Bảng kê hóa đơn, chứng từ hàng hóa, dịch vụ bán ra Mẫu số: 01-1/GTGT). Bảng kê hóa đơn, chứng từ hàng hóa, dịch vụ bán ra thể hiện nội dung: Trong kỳ, Công ty T sử dụng chính thức 03 số hóa đơn và hủy bỏ 03 số hóa đơn, trong đó: Hóa đơn số 0000025 báo hủy và hóa đơn số 0000026 chính thức được sử dụng với doanh thu chưa có thuế GTGT là: 3.334.787.310 đồng và thuế GTGT là: 333.478.731 đồng.

+ Các khoản tiền phạt chậm nộp tính đến ngày 31/10/2015: 6.002.622 đồng.

Chi cục Thuế đã thực hiện các bước cưỡng chế nợ thuế trong đó có bước áp dụng cưỡng chế bằng biện pháp Thông báo hóa đơn không còn giá trị sử dụng (Quyết định số 787/QĐ-CCT ngày 18/11/2015 và thông báo số 1439/TB-CCT ngày 18/11/2015 về việc hóa đơn không còn giá trị sử dụng từ số 0000030 đến số 0000050; ký hiệu: HN/13P; ký hiệu mẫu: 01GTKT3/001).

Ngày 11/11/2015, Công ty T nộp Tờ khai thuế giá trị gia tăng (Mẫu số 01/GTGT), kỳ tính thuế Quý III năm 2015 (kê khai bổ sung lần thứ 1) với tổng số tiền thuế giá trị gia tăng còn phải nộp: 50.175.339 đồng, chênh lệch giảm so với số thuế phải nộp kê khai lần đầu là: 333.478.732 đồng. Nguyên nhân do công ty xóa bỏ hóa đơn số 0000026 lập ngày 28/8/2015 do chủ đầu tư không đồng ý với con số thanh toán.

Qua tiếp xúc làm việc, Công ty T không chứng minh được việc kê khai điều chỉnh làm giảm số tiền thuế giá trị gia tăng phải nộp 333.478.732 đồng là đúng quy định. Do đó, ngày 04/3/2016 công ty đã thực hiện kê khai điều chỉnh lại Tờ khai thuế giá trị gia tăng (Mẫu số 01/GTGT), kỳ tính thuế Quý III năm 2015 (kê khai bổ

sung lần thứ 2) với tổng số tiền thuế phát sinh phải nộp khớp đúng với số thuế đã kê khai lần đầu nộp ngày 12/10/2015 là: 383.654.071 đồng.

Chi cục Thuế đã thông báo nhiều lần, nhưng Công ty T còn nợ tiền thuế, tiền phạt vi phạm pháp luật về thuế đã quá 90 ngày, kể từ ngày hết thời hạn nộp thuế, nộp tiền phạt vi phạm pháp luật về thuế theo quy định. Do đó, Chi cục Thuế đã áp dụng: "Cưỡng chế bằng biện pháp thông báo hóa đơn không có giá trị sử dụng, Quyết định số: 787/QĐ-CCT ngày 18/11/2015 của Chi cục trưởng Chi cục Thuế thị xã L".

Ngoài ra, trước khi áp dụng "Cưỡng chế bằng biện pháp thông báo hóa đơn không có giá trị sử dụng", Chi cục Thuế không cưỡng chế bằng biện pháp: Trích tiền từ tài khoản, yêu cầu phong tỏa tài khoản. Bởi vì, một số Ngân hàng không cung cấp thông tin và một số khác cung cấp thông tin: Công ty T không mở tài khoản tại Ngân hàng, không phát sinh giao dịch.

Từ những căn cứ trên, Chi cục Thuế L xác định, Quyết định cưỡng chế bằng biện pháp thông báo hóa đơn không còn giá trị sử dụng số 787/QĐ-CCT ngày 18/11/2015 của Chi cục trưởng Chi cục Thuế L là đúng quy định pháp luật, đề nghị Toà án bác yêu cầu của người khởi kiện.

** Bản án số 02/2018/HC-ST ngày 19 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân Thị xã L đã tuyên xử*: Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH MTV xây dựng T.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

* Ngày 04/12/2018, Công ty TNHH MTV xây dựng T kháng cáo toàn bộ nội dung bản án sơ thẩm.

** Phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:*

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án theo trình tự phúc thẩm , Thẩm phán chủ tọa và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Luật Tố tụng hành chính năm 2015. Các đương sự đã được thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình được quy định Luật Tố tụng hành chính năm 2015.

- Về việc giải quyết vụ án: Tại phiên tòa người đại diện hợp pháp của Công ty TNHH MTV xây dựng T xác định đã biết Quyết định cưỡng chế bằng biện pháp thông báo hóa đơn không còn giá trị sử dụng số 787/QĐ-CCT ngày 18/11/2015 của Chi cục trưởng Chi cục thuế L từ cuối tháng 11/2015 nhưng không khiếu nại đến người có thẩm quyền.

Đến ngày 06/6/2018, công ty T mới nộp đơn khởi kiện đối với Quyết định hành chính trên thuộc trường hợp hết thời hiệu khởi kiện theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 143, điểm g khoản 1 Điều 217 của Luật tố tụng hành chính năm 2015.

Đối chiếu nội dung đơn khiếu nại của công ty T cũng như nội dung Quyết định giải quyết khiếu nại số 255/QĐ-CCT ngày 30/3/2018 của Chi cục trưởng Chi cục thuế L thì Quyết định số 255/QĐ-CCT không giải quyết khiếu nại về Quyết định cưỡng chế bằng biện pháp thông báo hóa đơn không còn giá trị sử dụng số 787/QĐ-CCT. Do đó, việc cấp sơ thẩm vận dụng điểm a khoản 3 Điều 116 Luật tố tụng hành chính xác định thời hiệu khởi kiện đối với Quyết định hành chính số 787/QĐ-CCT tính từ thời điểm công ty T nhận được Quyết định số 255/QĐ-CCT là không chính xác.

Từ các lý do trên, Kiểm sát viên đề nghị hủy bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục kháng cáo

Công ty TNHH MTV xây dựng T nộp đơn kháng cáo và tạm ứng án phí phúc thẩm trong hạn luật định nên kháng cáo của đương sự này được thụ lý giải quyết theo trình tự phúc thẩm. Tại phiên tòa đương sự xác định giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo và không cung cấp thêm tài liệu chứng cứ mới.

[2] Về người tham gia phiên tòa: Ông Phạm Hữu Hùng là người đại diện hợp pháp của người bị kiện nộp đơn xin xét xử vắng mặt, áp dụng khoản 2 Điều 225 của Luật tố tụng hành chính năm 2015, tiến hành xét xử vắng mặt đương sự này.

[3] Về quan hệ pháp luật tranh chấp, người tham gia tố tụng: cấp sơ thẩm xác định đúng, đầy đủ.

[4] Về nội dung kháng cáo

Qua trình bày của người kháng cáo tại phiên tòa, đối chiếu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận thấy Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm đã xác định không đúng về thời hiệu khởi kiện dẫn đến vi phạm nghiêm trọng về thủ tục tố tụng. Cụ thể như sau:

[4.1] Diễn biến hành chính

Ngày 12/11/2015, Chi cục thuế L ban hành thông báo số 01/10/TB-CCT yêu cầu công ty TNHH MTV xây dựng T phải nộp số tiền thuế, tiền phạt chậm nộp là 524.789.691 đồng.

Ngày 18/11/2015, do công ty TNHH MTV xây dựng T không thực hiện theo Thông báo 01/10/TB-CCT, Chi cục trưởng Chi cục Thuế L ban hành Quyết định cưỡng chế bằng biện pháp thông báo hóa đơn không còn giá trị sử dụng số 787/QĐ-CCT đối với công ty TNHH MTV xây dựng T cùng với Thông báo số

1439/TB-CCT ngày 18/11/2015 về việc hóa đơn không còn giá trị sử dụng từ số 0000030 đến số 0000050; ký hiệu: HN/13P; ký hiệu mẫu: 01GTKT3/001.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Đỗ Văn C thừa nhận việc Công ty đã biết về sự tồn tại của Quyết định cưỡng chế số 787/QĐ-CCT vào cuối tháng 11/2015 do vào thời điểm này công ty xuất hóa đơn số 0000030 nhưng không thực hiện được. Đồng thời ông C cũng xác nhận ngoài đơn khiếu nại ngày 12/01/2018, Công ty không có đơn khiếu nại nào khác đối với Quyết định số 787/QĐ-CCT.

[4.2] Xác định thời điểm bắt đầu tính thời hiệu khởi kiện

Đối chiếu nội dung đơn khiếu nại ngày 12/01/2018 (bút lục 91), các biên bản làm việc ngày 08/2/2018 (bút lục 94-95) và ngày 14/3/2018 (bút lục 99-101) giữa người khiếu nại với Chi cục thuế L, Hội đồng xét xử xác định Công ty TNHH T chỉ khiếu nại việc Chi cục thuế thị xã L không cho xuất hóa đơn mà không khiếu nại đối với Quyết định 787/QĐ-CCT ngày 18/11/2015 của Chi cục trưởng Chi cục thuế thị xã L.

Thực tế, tại Phần Quyết định của Quyết định giải quyết khiếu nại số 255/QĐ-CCT ngày 30/3/2018 của Chi cục trưởng Chi cụ thuế L cũng nêu rõ: *"..* ***Điều 1****. Không công nhận nội dung Đơn khiếu nại (không số) đề ngày 12/01/2018 của ông Đỗ Văn C, Chủ tịch công ty kiêm giám đốc công ty TNHH MTV xây dựng T, địa chỉ: ấp S, xã S, thị xã L, tỉnh Đồng Nai về việc Công ty TNHH MTV xây dựng T không được Chi cục Thuế thị xã L cho xuất hóa đơn...."*

Từ lý do trên, thời hiệu khởi kiện của công ty TNHH MTV xây dựng T đối với Quyết định cưỡng chế 787/QĐ-CCT là 01 năm kể từ thời điểm Công ty nhận được, biết được Quyết định này theo quy định tại Điều 116 Luật tố tụng hành chính năm 2015. Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm nhận định thời hiệu khởi kiện đối với Quyết định 787/QĐ-CCT của người khởi kiện được tính từ thời điểm biết được Quyết định giải quyết khiếu nại số 225/QĐ-CCT là không phù hợp.

Do công ty TNHH MTV xây dựng T đã đã biết về sự tồn tại của Quyết định cưỡng chế số 787/QĐ-CCT vào cuối tháng 11/2015 nhưng đến ngày 06/6/2018 mới nộp khởi kiện đối với Quyết định hành chính trên là thuộc trường hợp hết thời hiệu khởi kiện theo quy định tại điểm a, khoản 2, Điều 116 Luật tố tụng hành chính.

Trong vụ án, lẽ ra Tòa án cấp sơ thẩm cần căn cứ điểm g khoản 1 Điều 143, điểm g khoản 1 Điều 217 của Luật tố tụng hành chính năm 2015 đình chỉ giải quyết vụ án do hết thời hiệu khởi kiện. Việc Tòa án nhân dân thị xã L đưa vụ án ra xét xử là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng.

Từ các phân tích trên, do thời hiệu khởi kiện đã hết, căn cứ khoản 4 Điều 241 của Luật tố tụng hành chính năm 2015 Hội đồng xét xử chấp nhận 01 phần kháng cáo của người khởi kiện hủy bản án sơ thẩm và đình chỉ việc giải quyết vụ án.

[5] Về án phí: Công ty TNHH T không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm và án phí hành chính phúc thẩm. Hoàn trả tạm ứng án phí hành chính sơ thẩm và tạm ứng án phí hành chính phúc thẩm cho người khởi kiện.

[6] Quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa cơ bản phù hợp với nhận định Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ khoản 4 Điều 241 của Luật tố tụng hành chính năm 2015,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Chấp nhận 01 phần kháng cáo của công ty TNHH MTV Xây dựng T.

Hủy bản án hành chính sơ thẩm số 02/2018/HC-ST ngày 19/11/2018 của Tòa án nhân dân Thị xã L và đình chỉ giải quyết vụ án "*Khiếu kiện Quyết định hành chính về việc áp dụng cưỡng chế bằng biện pháp thông báo hóa đơn không còn giá trị sử dụng"* giữa người khởi kiện Công ty TNHH MTV xây dựng T đối với Chi cục trưởng Chi cục thuế Thị xã L.

2. Về án phí: Hoàn trả Công ty TNHH MTV xây dựng T 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) tạm ứng án phí hành chính sơ thẩm theo biên lai thu số 002555 ngày 14/6/2018 và 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) tạm ứng án phí hành chính phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số 002950 ngày 04/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự Thị xã L.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND T.Đồng Nai;
- Đương sự;
- TAND Tx. L;
- Chi cục THADS Tx. L;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Công Sự